

Số: *11* /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 04/2023/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 20/TTr-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt không quá 24 tháng; riêng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, y dược được phê duyệt không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt khác Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (được ghi trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) là khoảng thời gian để cơ quan chủ trì thực hiện toàn bộ các nội dung của nhiệm vụ đã được duyệt.”

2. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Có văn bản tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 7 như sau:

“b) Nhiệm vụ của Hội đồng: Tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 7 như sau:

“b) Thành viên Hội đồng tư vấn có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng (Mẫu Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước).”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 Điều 7 như sau:

“e) Thư ký lập biên bản làm việc của Hội đồng (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước).”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: Tên nhiệm vụ, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, mục tiêu, nội dung chính, sản phẩm, thời gian thực hiện và dự kiến kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước của nhiệm vụ.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai trên website của Sở hoặc các phương tiện truyền thông khác; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân gửi thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan để đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày công bố.

Trong trường hợp tuyển chọn lần 1 mà không có tổ chức, cá nhân tham gia hoặc tổ chức, cá nhân trúng tuyển có văn bản đề nghị thôi không thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì thực hiện thông báo tuyển chọn lần 2. Thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1. Nếu thực hiện tuyển chọn lần 2 không có tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh không triển khai thực hiện danh mục đối với nhiệm vụ đó.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả tuyển chọn và thông báo công khai trên website của Sở hoặc các phương tiện truyền thông khác.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 10 như sau:

“1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia; nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất; nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một tổ chức đơn vị có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai trên website của Sở hoặc các phương tiện truyền thông khác.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Thành phần của Hội đồng: Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký Hội đồng. Thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có liên quan.

Thủ trưởng tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn (hoặc giao trực tiếp) và các Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 11 như sau:

“d) Hội đồng đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định. Các nhóm tiêu chí đánh giá theo thang điểm tối đa 100 điểm. Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng điều kiện sau:

Có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất (khi tuyển chọn) và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt cho điểm không (0 điểm).

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì thứ tự ưu tiên như sau:

- Tổ chức chủ trì là tổ chức đề xuất nhiệm vụ;
- Hồ sơ có số kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước ít hơn;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì đã có nhiệm vụ cấp tỉnh được đánh giá xếp loại xuất sắc trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ;

- Hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn;

- Hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Tổ thẩm định kinh phí được thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 12 như sau:

“a) Nhiệm vụ: Rà soát dự toán các nội dung chi theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được xét duyệt; thảo luận, thống nhất, tổng hợp kết quả thẩm định và lập biên bản thẩm định kinh phí theo quy định (biên bản thẩm định kinh phí là bộ phận không tách rời của thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ).”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ.”

14. Bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Trong trường hợp cần thiết, trước khi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tiến hành kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức chủ trì; kiểm tra lý lịch khoa học của cá nhân chủ nhiệm theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Quy định này. Biên bản kiểm tra được lập và gửi cho Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định kinh phí.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì được chủ động quyết định và có báo cáo bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định đối với các nội dung sau (riêng thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ):

a) Điều chỉnh nội dung công việc đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

b) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng; chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Quy định này. Trường hợp không nhất trí với việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến bằng văn bản đến tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

c) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận bằng văn bản của người được bổ sung và người được thay thế.

d) Điều chỉnh mục chi, nội dung chi, định mức chi, kinh phí giữa các phần công việc được giao khoán trong trường hợp cần thiết, đảm bảo trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao khoán, phù hợp với quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì.”

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định:

a) Điều chỉnh dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ: Việc gia hạn thời gian chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

c) Điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh:

a) Tổ chức chủ trì.

b) Tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, bao gồm: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; kinh phí đối ứng của đơn vị chủ trì.

d) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các trường hợp không thuộc điểm b khoản 2 Điều này).”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” để tổ chức thực hiện.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Thảm quyền chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.”

18. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 18 như sau:

“b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc lĩnh vực nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện, các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân dẫn đến nhiệm vụ không hoàn thành.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thống nhất phương án thu hồi, mức thu hồi kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Phương án và mức thu hồi kinh phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”

20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 21 như sau:

“b) Báo cáo đột xuất: Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo đột xuất trong các trường hợp sau:

- Báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ (trừ nội dung công việc được giao khoán và nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chỉ đến sản phẩm cuối cùng) trước ít nhất 02 ngày làm việc khi thực hiện các nội dung như: cấp phát vật tư, cây giống, con giống cho các mô hình; bàn giao nguyên vật liệu, thiết bị; nghiệm thu, bàn giao kết quả các gói thầu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nghiệm thu sản phẩm, mô hình là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nghiệm thu cấp cơ sở (tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ). Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ công tác quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thể cử cán bộ tham dự để kiểm tra, giám sát.

- Báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định.”

21. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 21 như sau:

“a) Kiểm tra việc thực hiện nội dung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Định kỳ trong khoảng thời gian 12 tháng một lần tính từ khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng (hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra tiến độ, tình hình sử dụng nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm các chuyên gia để tư vấn cho việc đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện.

- Kết quả kiểm tra được lập biên bản và xử lý theo quy định khi phát hiện các vi phạm.”

22. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 21 như sau:

“c) Sau khi có kết quả thanh tra, kiểm tra, trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ chủ động giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đó.”

23. Bổ sung khoản 3 Điều 22 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo hướng dẫn. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các bước nghiệm thu theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì tổ chức chủ trì phải bổ sung hoàn thiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.”

24. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 24 như sau:

“c) Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, trong trường hợp cần thiết, tổ chức chủ trì có thể thuê cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, có tư cách pháp nhân độc lập với tổ chức chủ trì hoặc thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành, Tổ chuyên gia để tư vấn đánh giá sản phẩm khi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện và các tài liệu có liên quan hợp lệ theo hướng dẫn, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành, Tổ chuyên gia thẩm định trước nghiệm thu theo quy định. Thời gian họp và có biên bản của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia không quá 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập.”

26. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 25 như sau

“b) Về sản phẩm của nhiệm vụ so với yêu cầu đặt hàng:

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đối với sản phẩm có các chỉ tiêu phân tích/kiểm định/kiểm nghiệm: cần được thực hiện tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, có tư cách pháp nhân độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ và có kết quả khi nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm có tính chất kỹ thuật như: phần mềm máy tính; quy hoạch; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ áp dụng trong sản xuất công nghiệp; bản đồ; cơ sở dữ liệu và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định trước khi nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Cơ cấu của hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia gồm từ 03 đến 05 thành viên (trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể thành lập với số lượng nhiều hơn 5 thành viên); thành phần gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các thành viên Ban chủ nhiệm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia. Nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện sản phẩm trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia.

- Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 như sau:

“5. Tổ chức chủ trì thực hiện hoàn thành việc nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan chậm so với quy định hoặc chậm hoàn thiện sản phẩm theo ý kiến của Hội đồng khoa học chuyên ngành, Tổ chuyên gia mà quá 03 tháng thì nhiệm vụ xếp loại “Không đạt”, nếu chưa quá 03 tháng thì khi nghiệm thu sẽ không xếp loại “Xuất sắc”.

Thời gian nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tài liệu có liên quan chậm so với quy định được tính từ khi hết thời gian thực hiện theo Hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn (nếu có) đến ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian chậm hoàn thiện sản phẩm được tính từ ngày có văn bản của Hội đồng khoa học chuyên ngành, Tổ chuyên gia đến khi Hội đồng khoa học chuyên ngành, Tổ chuyên gia đánh giá sản phẩm đạt theo yêu cầu.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Việc giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.”

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.”

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31

“2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng nội dung, tiến độ theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt. Ra quyết định thành lập ban chủ nhiệm để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Ban chủ nhiệm gồm có 01 chủ nhiệm, 01 thư ký khoa học và các thành viên khác theo quy định nhưng không được thấp hơn số lượng đã phê duyệt tại biên bản thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ.”

31. Bổ sung khoản 5 Điều 32

“5. Căn cứ vào thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt, chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng phương án triển khai các nội dung công việc được giao khoán trình thủ trưởng tổ chức chủ trì phê duyệt trước khi triển khai và đảm bảo thực hiện có hiệu quả kinh phí giao khoán để đạt được các yêu cầu về khoa học theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.”

Điều 2. Bãi bỏ điểm đ khoản 6 Điều 6 của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt danh mục trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt danh mục của nhiệm vụ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Chiptq.QĐ.04/T5



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình